

CTCP Tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng - CONINCO (UPCOM: CNN)

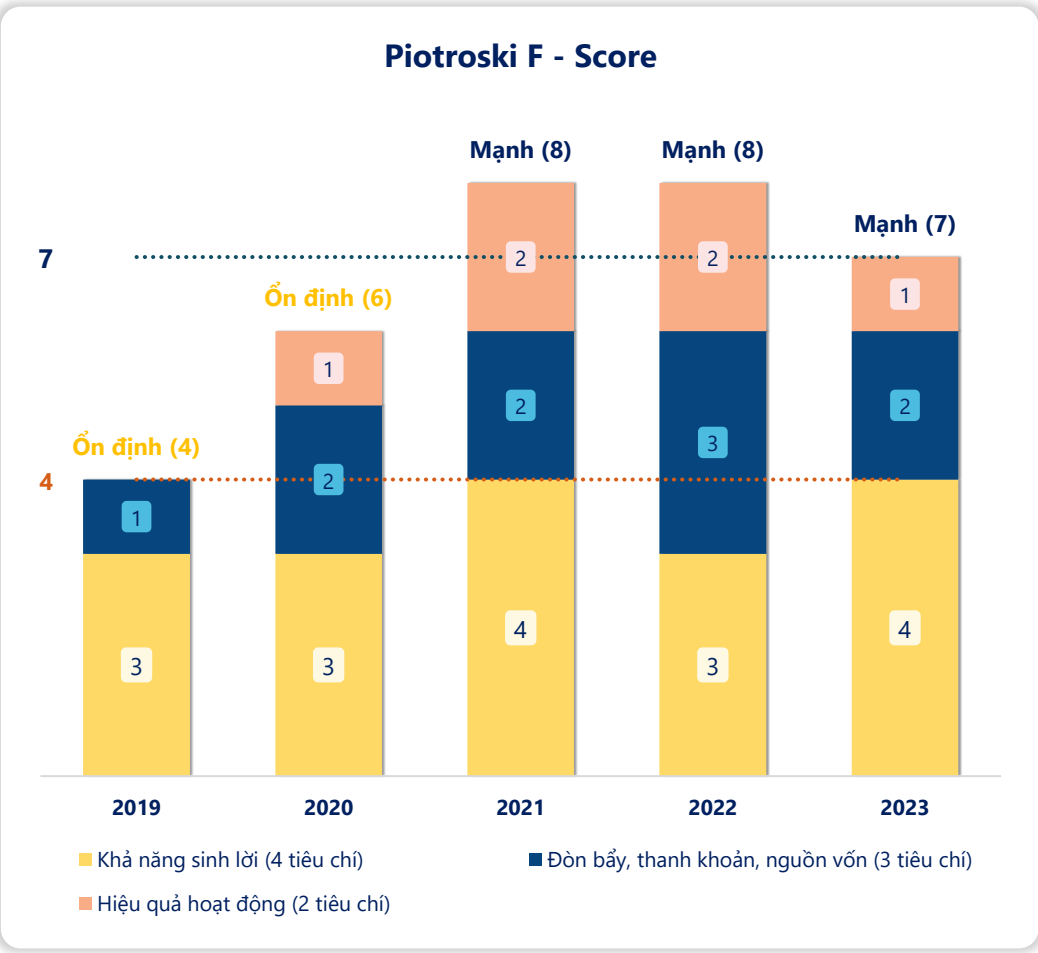
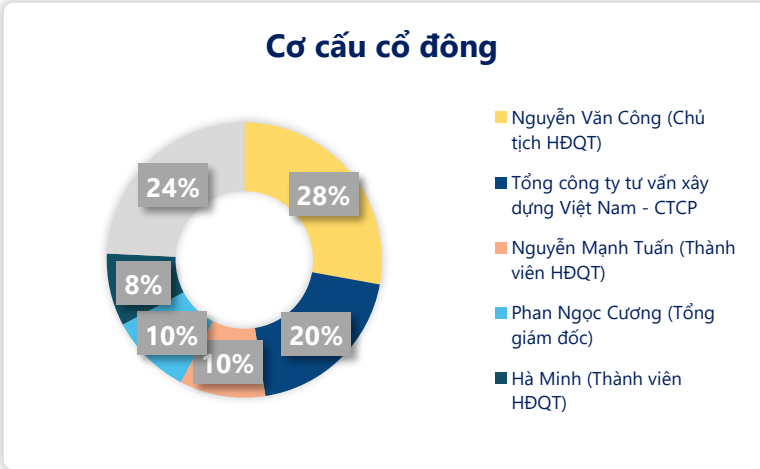
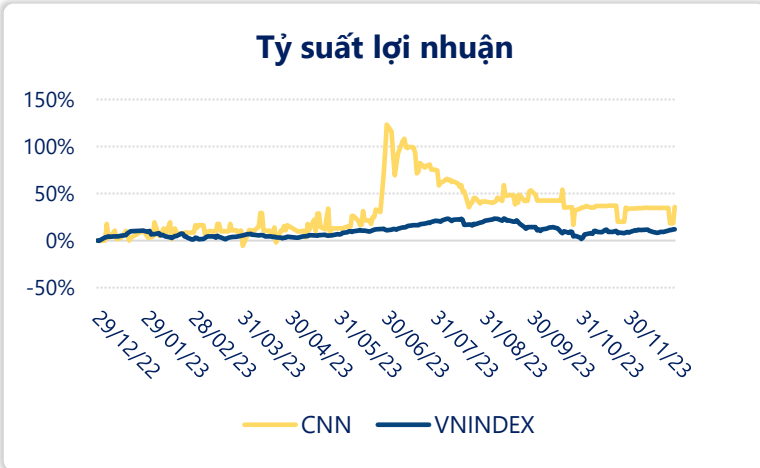
Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	40,200 VNĐ		
29/12/2023			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	1.3%	-4.7%	-25.0%

Sức mạnh tài chính	2023
Piotroski F - Score	7/9
2023	(Mạnh)

DT thuần	2023
496	YoY
tỷ VNĐ	▲ 56.0
	▲ 12.6%

LN sau thuế	2023
17.6	YoY
tỷ VNĐ	▲ 5.00
	▲ 40.4%

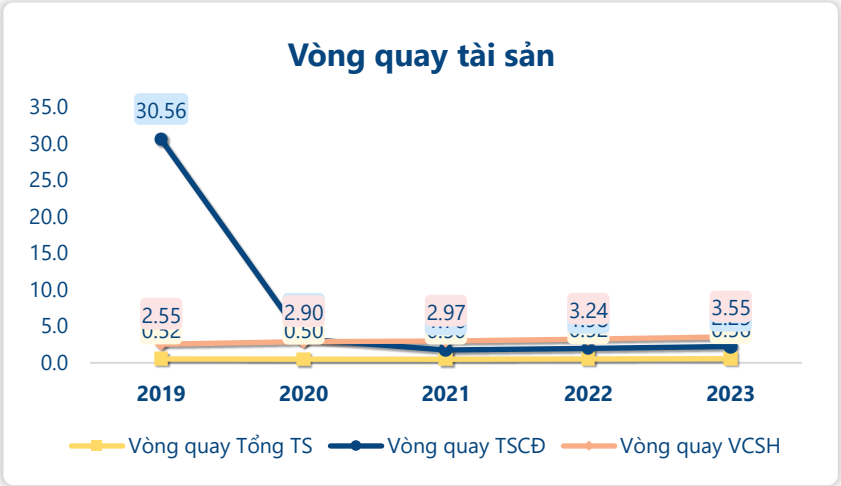
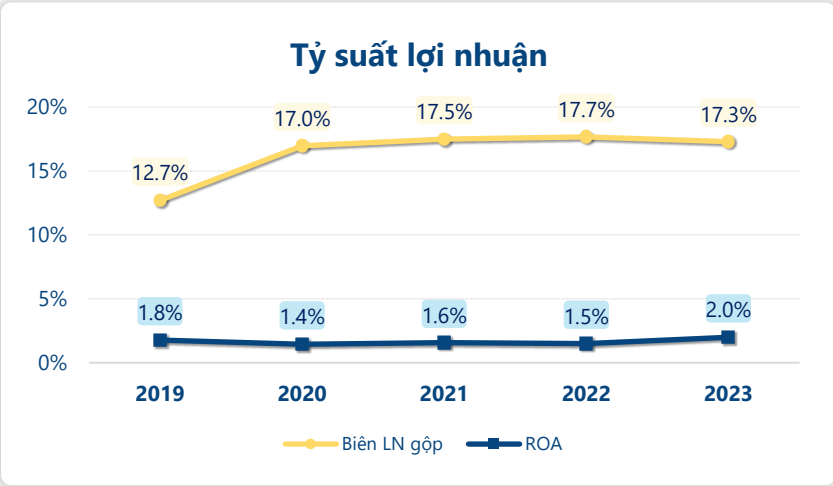
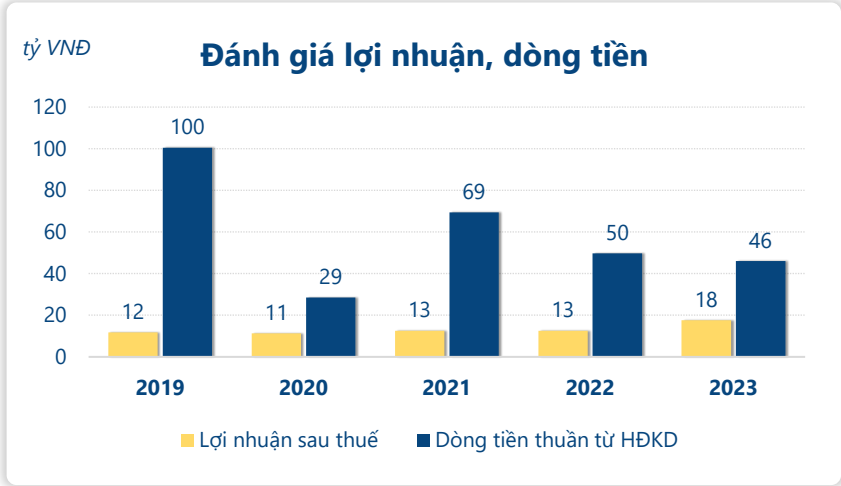


Năm **2023**, F-Score của **CNN** đạt **7/9** thấp hơn năm trước nhưng sức khỏe tài chính vẫn thuộc vùng "**Mạnh**".

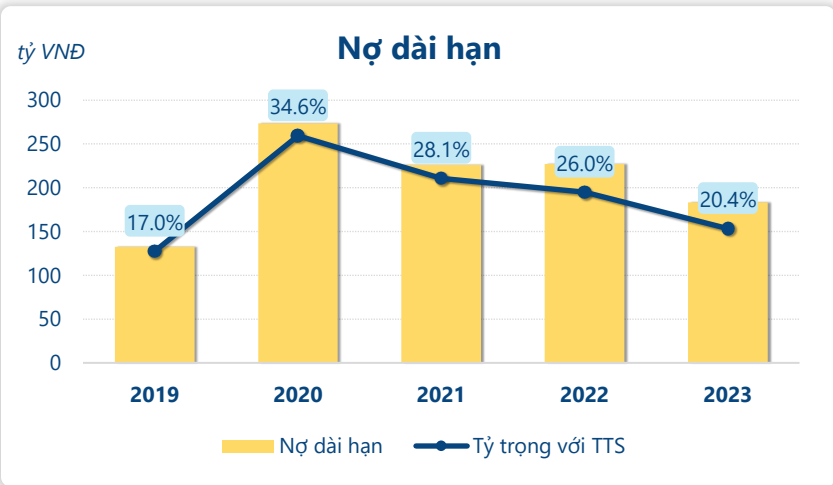
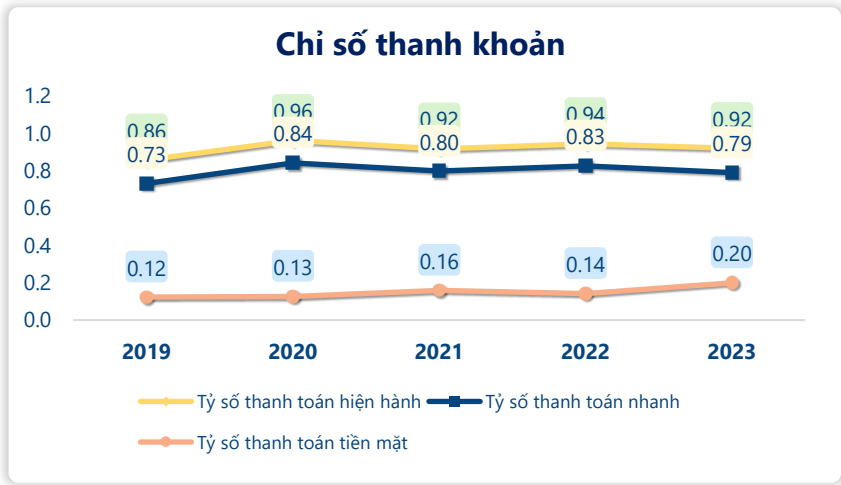
Trong đó, khả năng sinh lời được cải thiện **tăng lên 4/4** điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn **kém hơn** năm trước đạt **2/3**. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, **kém hơn** so với năm trước chỉ đạt **1/2** điểm.

Với điểm số F-Score cao cho thấy tình hình kinh doanh ổn định và hiệu quả trong quản lý tài sản và có sự ổn định tài chính trong dài hạn. Tuy nhiên vẫn cần phải xem xét các yếu tố về tài chính và chiến lược của công ty.

CTCP Tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng - CONINCO (UPCOM: CNN)



Xét các tiêu chí thành phần của **F-Score** năm **2023** của **CNN**: Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh lớn hơn lợi nhuận sau thuế và 2 chỉ tiêu này đều dương là một tín hiệu tích cực cho thấy công ty có chất lượng lợi nhuận tốt và duy trì hoạt động kinh doanh một cách bền vững. Sự tăng trưởng của ROA phản ánh công ty đang tạo ra lợi nhuận tốt hơn từ mỗi đơn vị tài sản sử dụng. Việc giảm tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản thường phản ánh việc doanh nghiệp giảm bớt mức độ phụ thuộc vào nguồn vốn vay dài hạn. Sự suy giảm của tỷ số thanh toán hiện hành có thể gây lo ngại về khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn, tuy nhiên cũng cần phân tích kỹ hơn để hiểu rõ nguyên nhân của sự suy giảm này. Không phát hành thêm cổ phiếu trong kỳ cho thấy sự ổn định trong quy mô vốn cổ phần, giúp duy trì tính hấp dẫn và niềm tin nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	896	875	2.4%
Tài sản ngắn hạn	525	482	8.8%
Tiền và tương đương tiền	114	72.5	56.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.00	43.3	-88.5%
Phải thu ngắn hạn	329	303	8.7%
Hàng tồn kho	74.2	60.8	22.1%
Tài sản ngắn hạn khác	2.15	2.60	-17.3%
Tài sản dài hạn	371	392	-5.4%
Phải thu dài hạn	1.09	0	
Tài sản cố định	219	221	-0.8%
Bất động sản đầu tư	133	136	-2.1%
Tài sản dở dang	2.51	19.4	-87.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	8.38	9.42	-11.0%
Tài sản dài hạn khác	6.47	5.99	7.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	753	738	2.1%
Nợ ngắn hạn	570	510	11.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	57.3	34.6	65.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.98	4.53	-34.2%
Nợ dài hạn	183	227	-19.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	51.0	92.2	-44.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	142	137	4.0%
Vốn chủ sở hữu	142	137	4.0%
Vốn điều lệ	88.0	88.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	343	391	399	440	496
Giá vốn hàng bán	299	324	330	363	410
Lợi nhuận gộp	43.5	66.3	69.9	77.8	85.8
Doanh thu HĐTC	10.2	10.1	8.25	5.43	8.21
Chi phí TC	-0.31	15.8	14.0	12.9	11.9
Chi phí lãi vay	0	15.3	14.0	12.9	11.8
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	42.2	45.0	51.7	52.2	63.1
LN thuần từ HĐKD	11.8	15.5	12.5	18.2	18.9
Lợi nhuận khác	2.84	0.38	3.32	-0.08	3.70
LN trước thuế	14.7	15.9	15.8	18.1	22.6
Lợi nhuận sau thuế	11.7	11.3	12.5	12.6	17.6
LNST của CĐ cty mẹ	11.7	11.3	12.5	12.6	17.6

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	100	28.6	69.4	49.7	46.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-195	-69.9	-26.5	-2.97	22.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	104	26.6	-21.0	-44.7	-26.6
Tiền đầu kỳ	53.7	63.3	48.7	70.6	72.5
Lưu chuyển tiền thuần	9.47	-14.6	22.0	2.07	41.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0.11	0.00	-0.08	-0.11	-0.40
Tiền cuối kỳ	63.3	48.7	70.6	72.5	114